

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHƯỜNG MỸ THỜI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/NQ-HĐND

Mỹ Thới, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
quyết toán thu, chi ngân sách địa phương phường Mỹ Thới năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ THỜI**  
**KHÓA XIII, KỶ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 3254/TTr-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương phường Mỹ Thới năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương phường Mỹ Thới năm 2025 (đính kèm các biểu mẫu theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP), trong đó:

**1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 232.745.216.562 đồng**

Trong đó:

- |   |                      |
|---|----------------------|
| - Thu cân đối ngân sách nhà nước:       | 51.669.470.006 đồng  |
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách:        | 178.971.666.650 đồng |
| - Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: | 1.135.050.000 đồng   |
| - Thu kết dư ngân sách năm trước:       | 969.029.906 đồng     |
| Phân theo cấp ngân sách như sau:        |                      |
| - Ngân sách Trung ương được hưởng:      | 153.477.317 đồng     |

- Ngân sách Tỉnh được hưởng:	45.152.573.027 đồng
- <b>Ngân sách địa phương được hưởng:</b>	<b>187.439.166.218 đồng</b>
<b>2. Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>174.797.812.174 đồng</b>

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển:	0 đồng
- Chi thường xuyên:	166.783.046.032 đồng
- Kinh phí thực hiện chương trình MTQG GNBV:	10.281.200 đồng
- Dự phòng ngân sách:	302.940.332 đồng
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	6.577.962.610 đồng
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	1.123.582.000 đồng

**3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2025: 12.641.354.044 đồng**

**Điều 2.** Xử lý số kết dư ngân sách địa phương năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 74 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân phường giao Ủy ban nhân dân phường triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường Mỹ Thới khóa XIII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Aut*

- TT.HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP Đoàn ĐB Quốc Hội & HĐND Tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Như Điều 3;
- BTT. UBMTTQVN phường;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



*Aut*  
**Trần Minh Nhật**



## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>148.540</b>	<b>187.439</b>	<b>38.899</b>	<b>126,19</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>4.530</b>	<b>6.364</b>	<b>1.834</b>	<b>140,49</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	4.530	6.364	1.834	140,49
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>144.010</b>	<b>178.971</b>	<b>34.961</b>	<b>124,28</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	142.662	142.662	-	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.348	36.309	34.961	2.693,55
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>969</b>	<b>969</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>1.135</b>	<b>1.135</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>148.540</b>	<b>174.798</b>	<b>26.258</b>	<b>117,68</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>148.540</b>	<b>167.086</b>	<b>18.546</b>	<b>112,49</b>
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	145.578	166.783	21.205	114,57
5	Dự phòng ngân sách	2.962	303		
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	-	<b>10</b>		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		10		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>6.578</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>1.124</b>		
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>		<b>12.641</b>		





Biểu mẫu số 51

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM  
2025**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>148.540</b>	<b>174.798</b>	<b>117,68</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>148.540</b>	<b>168.210</b>	<b>113,24</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>145.578</b>	<b>166.784</b>	<b>114,57</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>98.374</i>	<i>98.476</i>	<i>100,10</i>
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2.962</b>	<b>303</b>	<b>10,23</b>
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>1.123</b>	
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>-</b>	<b>10</b>	<b>-</b>
*	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>		<b>10</b>	
	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>10</i>	
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>		<b>6.578</b>	



**Biểu mẫu số 52**

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>148.540</b>	<b>174.798</b>	<b>26.258</b>	<b>117,68</b>
<b>A</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC</b>	<b>148.540</b>	<b>168.220</b>	<b>19.680</b>	<b>113,25</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>145.578</b>	<b>166.794</b>	<b>21.216</b>	<b>114,57</b>
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	98.374	98.476	102	100,10
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng	2.786	3.584	798	128,64
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.721	1.897	(824)	69,72
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin	70	807	737	1.152,86
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	40	11	(29)	27,50
-	Chi thể dục thể thao	144	73	(71)	50,69
-	Chi bảo vệ môi trường	17.616	7.591	(10.025)	43,09
-	Chi các hoạt động kinh tế	2.581	1.633	(948)	63,27
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	19.512	26.778	7.266	137,24
-	Chi bảo đảm xã hội	1.368	15.959	14.591	1.166,59
-	Chi thường xuyên khác	366	9.985	9.619	2.728,14
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2.962</b>	<b>303</b>	<b>(2.659)</b>	<b>10,23</b>
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>1.123</b>		
<b>B</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>		<b>6.578</b>		

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách phường		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách phường	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>148.540</b>	-	<b>148.540</b>	<b>174.798</b>	<b>34.961</b>	<b>139.837</b>	<b>117,68</b>		<b>94,14</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>148.540</b>	-	<b>148.540</b>	<b>167.087</b>	<b>34.287</b>	<b>132.800</b>	<b>112,49</b>		<b>89,40</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	-								
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>145.578</b>	-	<b>145.578</b>	<b>166.784</b>	<b>34.287</b>	<b>132.497</b>	<b>114,57</b>		<b>91,01</b>
	<i>Trong đó:</i>									
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	98.374		98.374	98.476	4.407	94.069	100,10		95,62
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>									
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2.962</b>		<b>2.962</b>	<b>303</b>	-	<b>303</b>	<b>10,23</b>		<b>10,23</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>				<b>10</b>		<b>10</b>			
*	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>				<b>10</b>		<b>10</b>			
	- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				<b>10</b>		<b>10</b>			
<b>C</b>	<b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				<b>1.123</b>		<b>1.123</b>			
<b>D</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				<b>6.578</b>	<b>674</b>	<b>5.904</b>			



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)						Quyết toán						So sánh (%)				
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					Tổng số	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>148.540</b>	-	<b>148.540</b>	-	-	-	-	<b>174.798</b>	-	<b>174.798</b>	-	-	-	-	<b>117,68</b>		<b>117,68</b>
<b>I</b>	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>	<b>145.578</b>	-	<b>145.578</b>	-	-	-	-	<b>166.794</b>	-	<b>166.794</b>	-	-	-	-	<b>114,57</b>		<b>114,57</b>
1	Văn phòng HDND và UBND	5.577		5.577	-				10.622		10.622	-				190,46		190,46
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	5.626		5.626	-				25.826		25.826	-				459,05		459,05
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.876		1.876	-				14.444		14.444	-				769,94		769,94
4	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	829		829	-				3.316		3.316	-				400,00		400,00
5	Văn phòng Đảng ủy phường	1.868		1.868	-				3.374		3.374	-				180,62		180,62
6	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	1.242		1.242	-				1.776		1.776	-				143,00		143,00
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	689		689	-				969		969	-				140,64		140,64
8	Trường Mẫu giáo Hoàng Oanh	3.592		3.592	-				3.566		3.566	-				99,28		99,28
9	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	5.375		5.375	-				5.359		5.359	-				99,70		99,70
10	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	11.457		11.457	-				11.802		11.802	-				103,01		103,01
11	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	11.834		11.834	-				12.175		12.175	-				102,88		102,88
12	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cung	10.929		10.929	-				11.219		11.219	-				102,65		102,65
13	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	6.311		6.311	-				6.482		6.482	-				102,71		102,71
14	Trường Tiểu học Trần Phú	11.094		11.094	-				11.413		11.413	-				102,88		102,88
15	Trường THCS Mỹ Thới	18.927		18.927	-				19.222		19.222	-				101,56		101,56
16	Trường THCS Nguyễn Huệ	15.976		15.976	-				16.290		16.290	-				101,97		101,97
17	Công an phường	50		50	-				50		50	-				100,00		100,00
18	Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang	18.076		18.076	-				8.064		8.064	-				44,61		44,61
19	Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất thiết bị chiếu sáng Việt Nhật	825		825	-				825		825	-				100,00		100,00
20	UBND phường (Kinh phí tập trung)	13.425		13.425	-							-						
<b>II</b>	<b>CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)</b>																	
<b>III</b>	<b>CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH (2)</b>																	
<b>IV</b>	<b>CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>2.962</b>		<b>2.962</b>	-				<b>303</b>		<b>303</b>	-				<b>10,23</b>		<b>10,23</b>
<b>V</b>	<b>CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG</b>																	
<b>VI</b>	<b>CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)</b>																	
<b>VII</b>	<b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>								<b>1.123</b>		<b>1.123</b>	-						
<b>VIII</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU</b>								<b>6.578</b>		<b>6.578</b>	-						

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)						Quyết toán									So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
					Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)						Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
<b>A</b>	<b>B</b>	1=2+2	2	3	4	5	6=7+10+13+16	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=6/1	18=7/2	19=10/3
	Phường Mỹ Thới	148.540		148.540	98.176		174.798				168.210	98.476		10		10	6.578			113,24





QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán										Quyết toán									So sánh (%)										
		Trong đó		CT mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						Trong đó		CT mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							Trong đó		CT mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững										
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp					
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số				Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	693	-	693	693	-			693	693		10	-	10	10	-			10	10		1,44		1,44	1,44				1,44	1,44	